

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TPL22B2OLV**
Mã MH/MĐ: **MH08286**
Tên MH/MĐ: **Thực tập tốt nghiệp**
Số TC: **8**

Năm học: **23-24**
Học kỳ: **02**

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1			Hệ số 2			Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2253801011228	Phạm Văn	Tòng	02/05/1988			9	8.5	8.5		8.5		8.5
2	2253801011229	Ngô Thị Cẩm	Tú	01/01/1984			8.5	8.5	8.5		8.5		8.5
3	2253801011231	Đinh Tấn	Thanh	23/03/1998			8.5	8.5	8.5		8.5		8.5
4	2253801011232	Nguyễn Ngọc	Thành	19/02/1980			8.5	8.5	8.5		8.5		8.5
5	2253801011233	Châu Thị Mộng	Thúy	17/05/1992			8.5	8.5	8.5		8.5		8.5
6	2253801011234	Phan Thị	Thừa	10/07/1982			9	8.5	8.5		8.5		8.5
7	2253801011551	Nguyễn Thị Mỹ	Phượng	04/05/1979			6	8.5	8.5		8.5		8.3
8	2253801013393	Nguyễn Thị Mỹ	Chi	05/07/1996			8.5	8.5	8.5		8.5		8.5
9	2253801013394	Nguyễn Văn	Chiến	19/05/1993			9	8.5	8.5		8.5		8.5
10	2253801013395	Đoàn Thị Bé	Chính	02/09/1983			9	8.5	8.5		8.5		8.5
11	2253801013397	Trịnh Thanh	Hóa	31/01/1992			9	8.5	8.5		8.5		8.5
12	2253801013398	Lê Thị	Huống	26/07/1984			9	8.0	8.0		8.0		8.1
13	2253801013399	Nguyễn Thị Diệu	Hương	17/10/1990			9	8.0	8.0		8.0		8.1
14	2253801013400	Lê Hoàng	Linh	19/12/1992			9	8.0	8.0		8.0		8.1
15	2253801013401	Lê Chí	Thanh	29/07/1996			9	9.0	9.0		9.0		9.0
16	2253801013402	Nguyễn Nhật	Thanh	20/08/1991			9	9.0	9.0		9.0		9.0

Châu Đốc, ngày 23 tháng 10 năm 2024

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Từ Cao Thanh Hà